

Số: 06/KH-THCSCPH

Chánh Phú Hòa, ngày 10 tháng 02 năm 2025

**KẾ HOẠCH**  
**Về việc tổ chức kiểm tra giữa kỳ và kiểm tra cuối học kỳ 2**  
**Năm học 2024-2025**

Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ GDĐT Thông tư quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Công văn số 49/PGDĐT-GDTrHTX ngày 21/01/2025 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Bến Cát về việc hướng dẫn kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ 2 năm học 2024-2025,

Căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị, trường THCS Chánh Phú Hòa xây dựng kế hoạch về việc tổ chức kiểm tra giữa kỳ và kiểm tra cuối học kỳ 2 của Trường THCS Chánh Phú Hòa năm học 2024-2025, nội dung cụ thể như sau:

**I/. Mục đích**

Đánh giá toàn diện học sinh thông qua đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng và một số biểu hiện năng lực, phẩm chất của học sinh theo mục tiêu giáo dục THPT

Đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ bằng điểm số kết hợp với nhận xét; Kết hợp đánh giá của giáo viên, học sinh, CMHS

Thực hiện nghiêm túc, thân thiện, nhẹ nhàng, khách quan

Ban giám hiệu chịu trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức, tuyên truyền thực hiện đánh giá kết quả học tập của học sinh.

**II/. Cách thức thực hiện**

Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày (Thông tư 22) và khung thời gian năm học 2024-2025, các giáo viên bộ môn (đính kèm danh sách phân công) thống nhất ra đề kiểm tra giữa kỳ phù hợp với tình hình dạy và học, bảo đảm đánh giá đầy đủ phẩm chất, năng lực của học sinh theo từng môn học đến thời điểm kiểm tra. Giáo viên lên kế hoạch cụ thể tổ chức ôn tập cho học sinh để kiểm tra giữa kỳ và kiểm tra cuối học kỳ 2 năm học 2024 - 2025 đạt kết quả cao. Đề kiểm tra giáo viên bộ môn dựa trên ma trận, đặc tả của đề đáp ứng mức độ cần đạt được của môn học quy định trong chương trình giáo dục phổ thông do Bộ GDĐT ban hành, nội dung, thời lượng và hình thức bài kiểm tra theo định hướng tại công văn số 337/PGDĐT-GDTrH ngày 20/9/2024 của Phòng GDĐT thành phố Bến Cát và bảo đảm đánh giá năng lực và tư duy cần đạt theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/02/2018 của Bộ GDĐT và Thông tư

13/2022/TT-BGDĐT ngày 03/8/2022 của Bộ GDĐT về việc sửa đổi một số nội dung trong chương trình GDPT ban hành kèm theo Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/02/2018 của Bộ GDĐT

### **III/. Tổ chức kiểm tra giữa kỳ và cuối học kỳ 2**

#### **1. Tổ chức:**

##### **1.1. Các môn kiểm tra giữa kỳ và cuối học kỳ 2**

. - Khối 6,7,8,9: Ngữ văn, Toán, Tiếng anh, Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý, GDCD, Công nghệ, Tin học, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mỹ thuật, Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp, Giáo dục địa phương.

##### **\*Kiểm tra giữa học kỳ 2:**

Giáo viên được phân công gửi đề kiểm tra về TTCM kiểm duyệt vào ngày **24/02/2025**, TTCM gửi về phó HT phụ trách chuyên môn file Word vào email: **tiendqthescph@bc.sgdbinhduong.edu.vn** chậm nhất trước ngày **5/3/2025**.

##### **\*Kiểm tra cuối kỳ 2:**

Mỗi môn/khối, lớp GVBM nộp 2 bộ đề + đáp án và xây dựng ma trận đề phù hợp với bộ môn. Riêng môn Tiếng anh 6,7,8,9 và môn Toán, Ngữ văn lớp 9 của Sở GD ra đề và môn Ngữ văn, Toán 6,7,8 của Phòng GD; GVBM ra 1 bộ đề/khối + đáp án gửi đề kiểm tra về TTCM kiểm duyệt chậm nhất ngày **15/03/2025**, TTCM gửi về Phó HT phụ trách chuyên môn file Word vào email: **tiendqthescph@bc.sgdbinhduong.edu.vn** chậm nhất ngày **18/03/2025**. Các môn còn lại TTCM gửi về Phó HT phụ trách chuyên môn file Word vào email: **tiendqthescph@bc.sgdbinhduong.edu.vn** chậm nhất trước ngày **03/4/2025**.

##### **1.2. Hình thức ra đề kiểm tra:**

##### **\* Kiểm tra giữa kỳ và cuối học kỳ 2**

- **Khối 6,7,8,9:** các môn học đánh giá gồm HĐTN-HN, GDĐP, GDTC, Âm nhạc, Mỹ thuật (gọi chung là Nghệ thuật) giáo viên bộ môn ra đề kiểm tra theo hình thức đánh giá “Đạt” hoặc “Chưa đạt”, đảm bảo theo Thông tư 22/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021.

- **Khối 6,7,8,9 :** các môn ra đề kiểm tra thực hiện ma trận bản đặc tả theo hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận gồm

- **Môn Toán 6,7,8,9:** theo (PL1) và PL1–Công văn số 2222/SGDĐT-KTQLCLGD ngày 22/8/2024

- **Môn Khoa học tự nhiên 6, 7, 8, 9:** theo (PL2)

- **Môn Ngữ văn 6, 7, 8, 9:** theo (PL3) và PL1–Công văn số 2222/SGDĐT-KTQLCLGD ngày 22/8/2024

- **Môn Lịch sử và Địa lí 6, 7, 8, 9 :** theo (PL4)

- **Môn Tiếng Anh 6, 7, 8, 9:** theo PL5 và PL1–Công văn số 2222/SGDĐT-KTQLCLGD ngày 22/8/2024

- **Môn Tin học 6, 7, 8, 9:** theo (PL6)

- Môn Công nghệ 6, 7, 8, 9: theo (PL7)

- Môn GDCD 6, 7, 8, 9: theo (PL8)

- Thời lượng đề kiểm tra:

**Khối 6, 7, 8, 9:**

- Thời gian làm bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đối với môn học (không bao gồm cụm chuyên đề học tập). **Môn Ngữ văn, Toán: 90 phút;** các môn còn lại 60 phút. Riêng môn Công nghệ, GDCD thời gian làm bài 45 phút.

**Riêng môn Tiếng anh kỹ năng nói sẽ kiểm tra ở cuối HK2.**

**\*Kiểm tra cuối kỳ 2**

**+ Về đề chung của Sở GDĐT gồm:**

- Khối 6,7,8,9: Tiếng anh

- Khối 9: Ngữ văn, Toán

**+ Về đề chung của Phòng GDĐT gồm:**

- Khối 6,7,8 : Ngữ văn, Toán.

**Đối với lớp 9:**

\* **Môn Toán 9:** theo PL1–Công văn số 2222/SGDDĐT-KTQLCLGD ngày 22/8/2024

\* **Môn Ngữ văn 9:** theo PL1–Công văn số 2222/SGDDĐT-KTQLCLGD ngày 22/8/2024

\* **Môn Tiếng Anh 9:** theo PL1–Công văn số 2222/SGDDĐT-KTQLCLGD ngày 22/8/2024

**Đối với lớp 6,7,8:**

Định hướng cấu trúc các môn kiểm tra thực hiện theo cấu trúc đề kiểm tra của lớp 9 để từng bước thực hiện cho những năm học tiếp theo

**Lưu ý:**

- **Riêng môn Tiếng anh cuối kỳ 2 được kiểm tra đủ 4 kỹ năng đối với tất cả các khối lớp.**

- **Kỹ năng nói môn Tiếng anh 6,7,8,9 GVBM sắp xếp và lấy điểm kiểm tra một số tiết trong thời gian học sinh học ở lớp**

**1.2.2 Nội dung đề kiểm tra phải đảm bảo yêu cầu**

+ Dựa trên chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục phổ thông: kiểm tra kiến thức cơ bản trong phạm vi môn học, vừa sức học sinh **đảm bảo đánh giá đầy đủ phẩm chất, năng lực của học sinh** đối với từng môn học đến tuần tổ chức kiểm tra đối với từng khối lớp.

+ Dựa trên ma trận đề, bảng đặc tả phải đảm bảo tính khoa học, chính xác và trọng tâm chương trình, đảm bảo các mức độ cần đạt của môn học. Lời văn câu chữ rõ ràng, không sai sót.

+ Phân loại được trình độ học sinh và đánh giá đúng thực chất quá trình dạy, tránh trường hợp tiêu cực trong khâu ra đề, coi kiểm tra và chấm kiểm tra.

### **1.2.3 Trước khi kiểm tra giữa kỳ và cuối học kỳ 2**

+ Xây dựng kế hoạch kiểm tra, thông báo đến học sinh về kế hoạch ôn tập và lịch tổ chức kiểm tra chậm nhất 1 tuần tính đến ngày kiểm tra.

+ Ra các quyết định phân công cán bộ, giáo viên ra đề, coi, chấm kiểm tra giữa kỳ và cuối học kỳ 2.

+ Chuẩn bị đầy đủ và chu đáo về cơ sở vật chất để đảm bảo coi kiểm tra, chấm kiểm tra giữa kỳ và cuối học kỳ 2 nghiêm túc.

+ Lập danh sách học sinh: Trộn theo thứ tự a, b, c trong khối rồi chia ra các phòng kiểm tra, số học sinh trong mỗi phòng tùy thuộc vào số phòng học hiện có.

+ Lớp 6 (10 lớp (1 TATC); 447 hs): chia ra 14 phòng, bình quân 32 hs/phòng

+ Lớp 7 (12 lớp; 554 hs): chia ra 16 phòng, bình quân 35 hs/phòng

+ Lớp 8 (10 lớp (1 TATC); 381 hs): chia ra 12 phòng bình quân 32 hs/phòng

+ Lớp 9 (7 lớp (1 TATC); 253 hs): chia ra 9 phòng, bình quân 28 hs/phòng

### **1.2.4. Trong kiểm tra giữa kỳ và cuối học kỳ 2**

+ Tổ chức coi kiểm tra bình thường, thực hiện chia phòng kiểm tra theo a, b, c... không gây căng thẳng nhưng phải thực hiện nghiêm túc, đảm bảo công bằng, xử lý nghiêm khắc đối với các trường hợp học sinh và giáo viên vi phạm quy chế kiểm tra giữa kỳ và cuối học kỳ 2.

+ Quản lý đầy đủ và chặt chẽ các loại hồ sơ, bài kiểm tra không để xảy ra mất mát hoặc xảy ra các hiện tượng tiêu cực.

**1.2.5. Nhiệm vụ cán bộ coi thi** (*Thực hiện theo Công văn 537/SGDDT-KTQLCLGD ngày 28/3/2019 của Sở GDĐT Bình Dương*).

### **1.2.6. Sau khi kiểm tra giữa kỳ và cuối học kỳ 2.**

+ **Làm phách:** Hiệu trưởng (hoặc phó Hiệu trưởng được ủy quyền) tổ chức đánh phách, cắt phách tất cả các bài kiểm tra các môn và bảo mật. Giao bài cho giáo viên chấm sau khi đã thống nhất hướng dẫn chấm bài kiểm tra giữa kỳ và cuối học kỳ 2, BGH tổ chức hội phách, trả lại theo lớp và lên điểm.

+ **Thảo luận hướng dẫn chấm:** Các tổ, nhóm bộ môn nghiên cứu kỹ hướng dẫn chấm để thống nhất điểm chi tiết các ý, ghi biên bản thống nhất, lưu trữ biên bản này cùng với đề kiểm tra, hướng dẫn chấm theo qui định.

+ **Phân công chấm bài:** Mỗi bài kiểm tra do 01 giáo viên chấm; các bài kiểm tra của mỗi lớp, phòng được phân ngẫu nhiên cho các giáo viên bộ môn dạy cùng khối chấm bài.

+ **Chấm bài và ghi điểm:** Chấm bài bằng bút bi màu đỏ, ghi điểm chi tiết từng ý, từng câu trên bài làm của học sinh, gạch ngang những chỗ sai, có thể sửa chỗ sai, gạch “khóa” những chỗ trống, ghi điểm tổng của bài làm bằng số và bằng chữ, có chữ ký của giám khảo trên bài làm của học sinh.

+ **Lên điểm:** Thực hiện hồi phách và lên điểm sau khi chấm xong. Bảng điểm được Hiệu trưởng (hoặc phó Hiệu trưởng được ủy quyền) quản lý.

+ **Trả bài kiểm tra:** Giáo viên dạy lớp phải trả và sửa bài kiểm tra cho học sinh sau khi đã lên điểm. Trường sẽ thu lại và lưu trữ các bài kiểm tra học kỳ theo quy định.

+ **Trả bài kiểm tra:** Giáo viên dạy lớp sửa bài kiểm tra cho học sinh sau khi đã lên điểm. Trường sẽ thu lại và lưu trữ các bài kiểm tra học kỳ trực tuyến theo quy định.

**2/. Phân giáo viên ra đề kiểm tra giữa kỳ và cuối học kỳ 2 (ra đề mỗi môn 2 bộ đề + đáp án danh sách kèm theo).**

STT	Họ và Tên GV	Phân công ra đề	Ghi chú
1	Bùi Thị Thúy	Ngữ văn 9	Ra 1 đề
2	Nguyễn Thị Hồng Phượng	Ngữ văn 9	Ra 1 đề
3	Nguyễn Thị Cẩm Hà	Ngữ văn 8	Mỗi môn ra 1 đề
4	Tạ Thu Thủy	Ngữ văn 8	Mỗi môn ra 1 đề
5	Lê Thị Thương	Ngữ văn 7	Ra 1 đề
6	Nông Thị Hạnh	Ngữ văn 7	Mỗi môn ra 1 đề
7	Nguyễn Thị Thương	Ngữ văn 6, GDDP 8	Ngữ văn 6 ra 1 đề, GDDP 8 ra 2 đề
8	Lê Ngọc Dung	Ngữ văn 6	Ra 1 đề
9	Võ Thị Quỳnh Thơm	GDDP 6	Ra 2 đề
10	Phan Kim Nguyên	GDDP 7	Ra 2 đề
11	Huỳnh Ngọc Diễm	GDDP 9	Ra 2 đề
12	Lê Thị Phượng	Lịch sử và Địa lí 9	Ra 1 đề
13	Đỗ Thị Duyên	Lịch sử và Địa lí 8	Ra 1 đề
14	Phan Ngọc Lụa	Lịch sử và Địa lí 8	Ra 1 đề
		Lịch sử và Địa lí 7	Ra 1 đề
15	Nguyễn Ngọc Thảo	Lịch sử và Địa lí 6	Ra 1 đề
		Lịch sử và Địa lí 9	Ra 1 đề
16	Huỳnh Thị Diễm Hằng	Lịch sử và Địa lí 7	Ra 1 đề
		Lịch sử và Địa lí 6	Ra 1 đề
17	Hoàng Thanh Tú	GDCD 7,9	Mỗi môn ra 2 đề
18	Trương Thị Cẩm Xuyên	GDCD 6,8	Mỗi môn ra 2 đề
19	Nguyễn Trần Tâm Đan	Tiếng anh 8	Ra 1 đề
		Tiếng anh 9	Ra 1 đề

20	Hồ Thị Quỳnh Nga	Tiếng anh 8 (tc)	Ra 2 đề
		Tiếng anh 7	Ra 1 đề
21	Nguyễn Thị Thùy Nguyên	Tiếng anh 8	Ra 1 đề
		Tiếng anh 7	Ra 1 đề
22	Nguyễn Thị Mai Trâm	Tiếng anh 9	Ra 1 đề
		Tiếng anh 9 (tc)	Ra 2 đề
23	Chung Thanh Hào	Tiếng anh 6	Ra 1 đề
		Tiếng anh 6 (tc)	Ra 2 đề
24	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Tiếng anh 6	Ra 1 đề
25	Lâm Văn Bạc	Âm nhạc 6,8	Mỗi môn ra 2 đề
26	Lê Thị Diệu Linh	Nghệ thuật 7, Âm nhạc 9	Mỗi môn ra 2 đề
27	Lê Thanh Thùy	Mĩ thuật 6	Ra 2 đề
28	Huỳnh Thị Thu Thủy	Mĩ thuật 8,9	Ra 2 đề
29	Lê Thanh Nhân	Toán 9	Ra 1 đề
30	Bồ Kim Nhi		Ra 1 đề
31	Vũ Thị Hương	Toán 8	Ra 1 đề
32	Trần Thị Hồng Trang	Toán 6,8	Mỗi môn ra 1 đề
33	Nguyễn Công Bằng	Toán 7	Ra 1 đề
34	Nguyễn Thanh Hải	Toán 7	Ra 1 đề
35	Nguyễn Minh Tuấn	Toán 6	Ra 1 đề
36	Cao Hoàng Phúc	Tin học 6,8	Mỗi môn ra 2 đề
37	Nguyễn Hoàng An	Tin học 7,9	Mỗi môn ra 2 đề
38	Nguyễn Tăng Lâm	KHTN 9	Ra 1 đề
		Công nghệ 9	Ra 1 đề
39	Nguyễn Thị Việt Trinh	Công nghệ 8	Ra 2 đề
40	Võ Trần Minh Luân	Công nghệ 9	Ra 1 đề
41	Nguyễn Thanh Tuấn	KHTN 7	Ra 1 đề
42	Ngô Thị Ngọc Lan	KHTN 9	Ra 1 đề
		KHTN 6	Ra 1 đề
43	Phạm Phong Kim	KHTN 6	Ra 1 đề
44	Nguyễn Thị Phương Anh	KHTN 8	Ra 1 đề
45	Trần Thị Phương Oanh	KHTN 8	Ra 1 đề
46	Bồ Thị Mỹ Kiều	KHTN 7	Ra 1 đề
47	Hồ Thị Thừa	Công nghệ 6,7	Mỗi môn ra 2 đề
48	Phạm Thanh Nhon	TD 6,7	Đánh giá theo năng lực
49	Lê Đình Duyên	TD 9,7	Đánh giá theo năng lực
50	Nguyễn Tất Vững	TD 8	Đánh giá theo năng lực
51	Nguyễn Minh Sang	TD 6,7	Đánh giá theo năng lực

**Môn HĐTN-HN 6,7,8,9:** GVCN ra đề kiểm tra đáp ứng theo mức độ cần đạt của môn học quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông của Bộ GDĐT ban hành.

**3/. Phân công coi kiểm tra giữa kỳ và cuối học kỳ 2:** (danh sách kèm theo)

#### 4/. Lịch kiểm tra giữa kỳ và cuối học kỳ 2:

##### Kiểm tra giữa kỳ 2

- Từ ngày 10/03/2025 đến ngày 15/03/2025

+ Đối với khối 6,7,8,9: kiểm tra các môn Tin học (thực hành), Âm nhạc, Mỹ thuật, GDTC, Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp, Giáo dục địa phương

- Từ ngày 17/03/2025 đến ngày 20/03/2025 kiểm tra các môn theo lịch sau:

+ Buổi sáng khối 6,9 (theo lịch cụ thể)

+ Buổi chiều khối 7,8 (theo lịch cụ thể)

#### LỊCH KIỂM TRA GIỮA KỲ 2

##### Lớp 6 (buổi sáng)

TT	Ngày	Môn	Thời gian làm bài	Giờ mở đề kiểm tra	Giờ phát đề
1	17/03/2025	Ngữ văn	90 phút	7 giờ 00 phút	7 giờ 10 phút
2		Công nghệ	45 phút	9 giờ 10 phút	9 giờ 20 phút
3	18/03/2025	Tiếng anh	60 phút	7 giờ 00 phút	7 giờ 10 phút
4		GDCD	45 phút	9 giờ 10 phút	9 giờ 20 phút
5	19/03/2025	Toán	90 phút	7 giờ 00 phút	7 giờ 10 phút
6		Tin học (lý thuyết)	20 phút	9 giờ 10 phút	9 giờ 20 phút
7	20/03/2025	KHTN	60 phút	7 giờ 00 phút	7 giờ 10 phút
8		Lịch sử và Địa lý	60 phút	8 giờ 50 phút	9 giờ 00 phút

##### Lớp 7 (buổi chiều)

TT	Ngày	Môn	Thời gian làm bài	Giờ mở đề kiểm tra	Giờ phát đề
1	17/03/2025	Ngữ văn	90 phút	12 giờ 45 phút	12 giờ 55 phút
2		Công nghệ	45 phút	14 giờ 50 phút	15 giờ 00 phút
3	18/03/2025	Tiếng anh	60 phút	12 giờ 45 phút	12 giờ 55 phút
4		GDCD	45 phút	14 giờ 30 phút	14 giờ 40 phút
5	19/03/2025	Toán	90 phút	12 giờ 45 phút	12 giờ 55 phút
6		Tin học (lý thuyết)	20 phút	14 giờ 50 phút	15 giờ 00 phút
7	20/03/2025	KHTN	60 phút	12 giờ 45 phút	12 giờ 55 phút
8		Lịch sử và Địa lý	60 phút	14 giờ 20 phút	14 giờ 30 phút

##### Lớp 8 (buổi chiều)

TT	Ngày	Môn	Thời gian làm bài	Giờ mở đề kiểm tra	Giờ phát đề
1	17/03/2025	Ngữ văn	90 phút	12 giờ 45 phút	12 giờ 55 phút
2		Công nghệ	45 phút	14 giờ 50 phút	15 giờ 00 phút
3	18/03/2025	Toán	90 phút	12 giờ 45 phút	12 giờ 55 phút
4		GDCD	45 phút	14 giờ 50 phút	15 giờ 00 phút
5	19/03/2025	Tiếng anh	60 phút	12 giờ 45 phút	12 giờ 55 phút

6		Tin học (lý thuyết)	20 phút	14 giờ 50 phút	15 giờ 00 phút
7	20/03/2025	KHTN	60 phút	12 giờ 45 phút	12 giờ 55 phút
8		Lịch sử và Địa lý	60 phút	14 giờ 20 phút	14 giờ 30 phút

### Lớp 9 (buổi sáng)

TT	Ngày	Môn	Thời gian làm bài	Giờ mở đề kiểm tra	Giờ phát đề
1	17/03/2025	Ngữ văn	90 phút	7 giờ 00 phút	7 giờ 10 phút
2		Công nghệ	45 phút	9 giờ 10 phút	9 giờ 20 phút
3	18/03/2025	Toán	90 phút	7 giờ 00 phút	7 giờ 10 phút
4		GDCD	45 phút	9 giờ 10 phút	9 giờ 20 phút
5	19/03/2025	Tiếng anh	60 phút	7 giờ 00 phút	7 giờ 10 phút
6		Tin học (lý thuyết)	20 phút	9 giờ 10 phút	9 giờ 20 phút
7	20/03/2025	KHTN	60 phút	7 giờ 00 phút	7 giờ 10 phút
8		Lịch sử và Địa lý	60 phút	8 giờ 50 phút	9 giờ 00 phút

#### Kiểm tra cuối học kỳ 2:

+ Khối 9: Từ ngày 14/04/2025 đến ngày 19/04/2025

Môn Tin học (thực hành), Âm nhạc, Mỹ thuật, GDTC, Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp, Giáo dục địa phương (GVBM tự kiểm tra).

+ Khối 6,7,8: Từ ngày 21/4/2025 đến ngày 03/5/2025

Môn Tin học (thực hành), Âm nhạc, Mỹ thuật, GDTC, Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp, Giáo dục địa phương (GVBM tự kiểm tra).

- Thời gian kiểm tra tập trung cho tất cả các khối lớp như sau:

+ Khối 9 buổi sáng: từ ngày 21/4/2025 đến ngày 24/4/2025.

+ Khối 6: buổi sáng từ ngày 05/5/2025 đến ngày 9/5/2025

+ Khối 7,8 buổi sáng và chiều: từ ngày 05/5/2025 đến ngày

9/5/2025

### LỊCH KIỂM TRA CUỐI KỲ 2

#### Lớp 9

BUỔI SÁNG						
TT	Ngày	Môn	Thời gian làm bài	Giờ mở đề tại phòng HD	Giờ phát đề tại phòng kiểm tra	Giờ tính giờ làm bài
1	21/4/2025	KHTN	60 phút	7 giờ 00'	7 giờ 10'	7 giờ 15'
2		Lịch sử và Địa lý	60 phút	9 giờ 10'	9 giờ 20'	9 giờ 25'
3	22/4/2025	Ngữ văn	90 phút	7 giờ 00'	7 giờ 10'	7 giờ 15'
4		GDCD	45 phút	9 giờ 10'	9 giờ 20'	9 giờ 25'
5	23/4/2025	Toán	90 phút	7 giờ 00'	7 giờ 10'	7 giờ 15'



6		Công nghệ	45 phút	9 giờ 10'	9 giờ 20'	9 giờ 25'
8	24/4/2025	<b>Tiếng anh</b>	60 phút	7 giờ 00'	7 giờ 10'	7 giờ 15'
8		<b>Tin học (LT)</b>	20 phút	9 giờ 10'	9 giờ 20'	9 giờ 25'

### Lớp 6

BUỔI SÁNG						
TT	Ngày	Môn	Thời gian làm bài	Giờ mở bì đề tại phòng HD	Giờ phát đề tại phòng kiểm tra	Giờ tính giờ làm bài
1	05/5/2025	<b>Ngữ văn</b>	90 phút	7 giờ 00'	7 giờ 10'	7 giờ 15'
2		GDCD	45 phút	9 giờ 10'	9 giờ 20'	9 giờ 25'
3	6/5/2025	<b>Toán</b>	90 phút	7 giờ 00'	7 giờ 10'	7 giờ 15'
4		Tin học (LT)	20 phút	9 giờ 10'	9 giờ 20'	9 giờ 25'
5	7/5/2025	<b>Tiếng anh</b>	60 phút	7 giờ 00'	7 giờ 10'	7 giờ 15'
6		Công nghệ	45 phút	9 giờ 10'	9 giờ 20'	9 giờ 25'
7	8/5/2025	Lịch sử và Địa lý	60 phút	7 giờ 00'	7 giờ 10'	7 giờ 15'
8		KHTN	60 phút	9 giờ 10'	9 giờ 20'	9 giờ 25'

### Lớp 7

BUỔI CHIỀU						
TT	Ngày	Môn	Thời gian làm bài	Giờ mở bì đề tại phòng HD	Giờ phát đề tại phòng kiểm tra	Giờ tính giờ làm bài
1	05/5/2025	<b>Ngữ văn</b>	90 phút	12 giờ 45'	12 giờ 55'	13 giờ 00'
2		GDCD	45 phút	15 giờ 00'	15 giờ 10'	15 giờ 15'
3	6/5/2025	<b>Toán</b>	90 phút	12 giờ 45'	12 giờ 55'	13 giờ 00'
4		Tin học (LT)	20 phút	15 giờ 00'	15 giờ 10'	15 giờ 15'
5	7/5/2025	Lịch sử và Địa lý	60 phút	12 giờ 45'	12 giờ 55'	13 giờ 00'
6		Công nghệ	45 phút	15 giờ 00'	15 giờ 10'	15 giờ 15'
7	8/5/2024	<b>Tiếng anh</b>	60 phút	13 giờ 15'	13 giờ 25'	13 giờ 30'
8		KHTN	60 phút	15 giờ 00'	15 giờ 10'	15 giờ 15'

### Lớp 8

BUỔI CHIỀU						
TT	Ngày	Môn	Thời gian làm bài	Giờ mở bì đề tại phòng HD	Giờ phát đề tại phòng kiểm tra	Giờ tính giờ làm bài

1	05/5/2025	<b>Ngữ văn</b>	90 phút	12 giờ 45'	12 giờ 55'	13 giờ 00'
2		GDCD	45 phút	15 giờ 00'	15 giờ 10'	15 giờ 15'
3	6/5/2025	<b>Toán</b>	90 phút	12 giờ 45'	12 giờ 55'	13 giờ 00'
4		Tin học (LT)	20 phút	15 giờ 00'	15 giờ 10'	15 giờ 15'
5	7/5/2025	Lịch sử và Địa lý	60 phút	12 giờ 45'	12 giờ 55'	13 giờ 00'
6		Công nghệ	45 phút	15 giờ 00'	15 giờ 10'	15 giờ 15'
7	9/5/2024	<b>Tiếng anh</b>	60 phút	13 giờ 15'	13 giờ 25'	13 giờ 30'
8		KHTN	60 phút	15 giờ 00'	15 giờ 10'	15 giờ 15'

### **Thời gian tập trung:**

- Buổi sáng học sinh tập trung trước 6h30'
- Buổi chiều học sinh tập trung trước 12h30'

### **Trang phục:**

- Học sinh mặc đồng phục theo quy định (quần tây, áo sơ mi trắng, đeo khăn quàng, phù hiệu và mang giày).

- Giáo viên: nữ (trang phục áo dài), nam (quần tây áo sơ mi)

### **5/. Tổ chức kiểm tra**

- Hiệu trưởng ra Quyết định phân công coi, chấm kiểm tra giữa kỳ và cuối học kỳ 2, phân công ra đề, duyệt đề.

- Sắp xếp bố trí phòng chấm kiểm tra giữa kỳ và cuối học kỳ 2 theo quy định.

### **6/. Phân công chấm kiểm tra: (danh sách kèm theo)**

GVBM chấm kiểm tra giữa kỳ và cuối học kỳ 2 theo môn của khối lớp mình đang dạy, đúng theo đáp án đề kiểm tra giữa kỳ và cuối học kỳ 2. Nếu môn kiểm tra giữa kỳ và cuối học kỳ 2 có 2 giáo viên dạy trở lên phải có biên bản thống nhất đáp án.

### **7/. Thời gian báo điểm, hạnh kiểm giữa kỳ và cuối học kỳ 2**

#### **Giữa kỳ 2**

- GVBM hoàn thành các cột **điểm cho CSDL:**  
 + Khối 6,7,8,9: các môn Âm nhạc; Mỹ thuật; GDTC; Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp; Giáo dục địa phương trước ngày 16/3.

+ Các môn còn lại hoàn thành nhập điểm trước 11h ngày 23/3

- GVCN nhập Hạnh kiểm HS trước 16h ngày 23/3

#### **Cuối học kỳ 2**

- GVBM hoàn thành các cột **điểm cho CSDL:**  
 + Khối 9: các môn Âm nhạc; Mỹ thuật; GDTC; Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp ; Giáo dục địa phương trước ngày thứ 3 ngày 22/4.

+ Khối 6,7,8: các môn Âm nhạc; Mỹ thuật; GDTC; Hoạt động trải nghiệm - hướng nghiệp ; Giáo dục địa phương trước ngày thứ bảy ngày 3/5.

+ Các môn còn lại hoàn thành nhập điểm trước 10h chủ nhật ngày 11/5

- GVCN nhập Hạnh kiểm HS trước 16h ngày thứ bảy ngày 11/5

### **9. Vào sổ điểm**

- GV, TTDL rà soát kiểm tra lại việc nhập điểm – cộng điểm – xếp loại thật chính xác. In và giao bảng điểm lại cho GVCN, GVBM theo KH tuần

#### **10. Thời gian báo cáo thống kê chất lượng môn kiểm tra**

- Bộ phận CSDL báo cáo kết quả kiểm tra giữa kỳ về PGD ngày thứ tư ngày 25/03/2025; kiểm tra cuối học kỳ 2 khối 9 chậm nhất ngày 01/05/2025, khối 6,7,8 chậm nhất ngày 14/05/2025

- Lưu trữ hồ sơ tổ chức kiểm tra giữa kỳ và cuối học kỳ 2:

Tính từ ngày kiểm tra môn cuối cùng của mỗi kỳ kiểm tra, trường lưu trữ hồ sơ trong 03 năm gồm:

+ Các quyết định tổ chức kiểm tra giữa kỳ và cuối học kỳ 2, các loại biên bản, đề kiểm tra.

+ Bài kiểm tra giữa kỳ và cuối học kỳ 2 của học sinh.

+ Đề kiểm tra và đáp án của tất cả các môn kiểm tra.

Trên đây là kế hoạch tổ chức thực hiện kiểm tra giữa kỳ và cuối học kỳ 2 năm học 2024 - 2025. Các TTCM – GVCN – GVBM và các bộ phận có liên quan thực hiện nghiêm túc để hoàn thành kế hoạch.

#### **Nơi nhận:**

- Hiệu trưởng (thay báo cáo);
- Các TTCM, GVBM, GVCN (thực hiện);
- Lưu: VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Đ: Đỗ Quốc Tiến**

**Phụ lục 1**  
**\* MÔN: TOÁN**  
**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

**Giữa học kỳ 2: Khối 6,7,8,9**

	Số câu hỏi	Điểm	Mức độ tư duy
<b>Phần I (câu trắc nghiệm khách quan)</b>	12	3,0	50% Nhận biết – 50% Thông hiểu
<b>Phần II (câu hỏi Đúng/Sai)</b>	02	2,0	25% Nhận biết – 50% Thông hiểu- 25% Vận dụng
<b>Phần III (tự luận)</b>	3-5	5,0	20% Thông hiểu 80% Vận dụng
<b>Tổng cộng</b>	<b>17-19</b>	<b>10,0</b>	

**Ghi chú:**

- Tập trung các câu hỏi thực tế vào phần III (tự luận).

**Cuối học kỳ 2 (Lớp 9)**

Mã nội dung	Nội dung	Số câu (chia theo tỉ lệ số tiết giảng dạy)	Tỉ lệ
<b>VI</b>	Chủ đề 6: Hàm số $y = ax^2$ ( $a \neq 0$ ). Phương trình bậc 2 một ẩn	5	25%
<b>VII</b>	Chủ đề 7: Thống kê	3	18,75%
<b>VIII</b>	Chủ đề 8: Xác suất	2	12,5%
<b>IX</b>	Chủ đề 9: Đường tròn ngoại tiếp, nội tiếp tam giác. Tứ giác nội tiếp. Đa giác đều	5	28,13%
<b>X</b>	Chủ đề 10: Hình trụ. Hình nón. Hình cầu	3	15,62%

**Ghi chú:**

- Chủ đề 7, 8,10 không ra câu hỏi tự luận.

**Phụ lục 2**  
**\* MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN**  
**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

TT (1)	Chương/Chủ đề (2)	Nội dung/đơn vị kiến thức (3)	Mức độ đánh giá (4-11)								Tổng % điểm (12)	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL		
1	Nội dung A	Đơn vị kiến thức 1 ...										
		Đơn vị kiến thức 2 ...										
		...										
2	Nội dung B	Đơn vị kiến thức 1 ...										
		Đơn vị kiến thức 2 ...										
		...										
...	.....											
<b>Tổng</b>												
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>40%</b>		<b>30%</b>		<b>20%</b>		<b>10%</b>		<b>100%</b>	
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>70%</b>		<b>30%</b>		<b>100%</b>					

- Tỉ lệ điểm trắc nghiệm khách quan (TNKQ) khoảng 70%, tự luận (TL) khoảng 30%.



**Phụ lục 3**  
**MÔN: NGỮ VĂN**  
**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

Giữa HK2: Khối 6,7,8,9

TT	Thành phần năng lực	Nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						Tổng % điểm
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
				Số câu	TL	Số câu	TL	Số câu	TL	
1	Năng lực đọc	Văn bản đọc hiểu	5	2	10%	2	20%	2	10%	40
2	Năng lực viết	Viết đoạn văn	1	5%		5%		10%		20%
		Viết bài văn	1	7,5%		10%		22,5%		40%
<b>Tỉ lệ %</b>				22,5%		35%		42,5%		100%
<b>Tổng</b>				<b>100%</b>						

- Tỉ lệ tự luận (TL) 100%.

**Cuối học kỳ 2 (Lớp 9)**

Nội dung		Đơn vị kiến thức
Đọc		Văn bản nghị luận
		Truyện và truyện trinh thám
		Thơ song thất lục bát
		Kịch –Bi kịch
		Thơ
Viết	Viết đoạn văn	-Viết đoạn văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết
		- Viết đoạn văn nghị luận phân tích một đặc điểm (nội dung hoặc hình thức) của một tác phẩm truyện, truyện trinh thám/thơ và thơ song thất lục bát/kịch-bi kịch
		-Viết đoạn văn thuyết minh về một đặc điểm của một danh lam, thắng cảnh hay di tích lịch sử
	Viết bài văn	-Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết
		-Viết bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học (thơ và thơ song thất lục bát)
		Viết bài văn thuyết minh về một danh lam, thắng cảnh hay di tích lịch sử
		-Viết một truyện kể sáng tạo dựa trên một truyện đã đọc
	-Viết được một quảng cáo hoặc tờ rơi về một sản phẩm hay một hoạt động	

**Phụ lục 4**  
**MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ**  
**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết (TNKQ)		Thông hiểu (TL)		Vận dụng (TL)		Vận dụng cao (TL)		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
<b>Phân môn Địa lí</b>											
1	Chủ đề A	Nội dung 1: .....									
		Nội dung 2. .....									
		.....									
2	Chủ đề B										
3	.....										
<i>Tỉ lệ</i>			<b>20%</b>		<b>15%</b>		<b>10%</b>		<b>5%</b>		
<b>Phân môn Lịch sử</b>											
1	Chủ đề A	Nội dung 1: .....									
		Nội dung 2. .....									
		.....									
2	Chủ đề B										
3	.....										
<i>Tỉ lệ</i>			<b>20%</b>		<b>15%</b>		<b>10%</b>		<b>5%</b>		
<b>Tổng hợp chung</b>			<b>40%</b>		<b>30%</b>		<b>20%</b>		<b>10%</b>		<b>100%</b>

P. I  
TRƯỜNG  
JNG  
CƠ  
NH P

**Phụ lục 5**  
**MÔN: TIẾNG ANH**

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

Cấu trúc đề kiểm tra giữa kỳ 2 khối 6,7,8,9 tương tự như giữa kỳ 1

Cấu trúc đề kiểm tra cuối kỳ 2: đảm bảo kiểm tra 04 kỹ năng ngôn ngữ và đánh giá được kiến thức ngôn ngữ của học sinh

**Phần bài làm trên giấy (8.5 điểm) bao gồm:**

**I. Listening: 1.5 điểm** (15 câu x 0.1 điểm) hoặc (10 câu x 0.15 điểm)

**II. Language usage: 03 điểm** (Pronunciation: 03 câu; Vocabulary: 05 câu; Grammar 07 câu) (15 câu x 0.2 điểm)

**III. Reading: 02 điểm** (02 bài đọc x 10 câu hỏi x 0.2 điểm)

**IV. Writing: 02 điểm** (01 bài viết theo dạng đã học trong chương trình)

**Phần kiểm tra kỹ năng nói: 1.5 điểm** (trường tự tổ chức kiểm tra)

**Hướng dẫn chấm điểm nói:**

- Nội dung, giải quyết được vấn đề: 0.5 điểm

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ: Cấu trúc câu đúng, đúng ngữ pháp, đủ vốn từ, dùng từ đúng: 0.5 điểm

- Phát âm chuẩn, ngữ điệu tự nhiên, đúng ngữ cảnh: 0.5 điểm



**Phụ lục 6**  
**MÔN: TIN HỌC**  
**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

TT	Chương/chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			Số câu hỏi	Thời gian	Số câu hỏi	Thời gian	Số câu hỏi	Thời gian	Số câu hỏi	Thời gian	
1	Chủ đề .....	1: .....									
		2: .....									
2	Chủ đề .....	1: .....									
		2: .....									
3	Chủ đề .....	1: .....									
		2: .....									
<i>Tổng</i>											
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>40%</b>		<b>30%</b>		<b>20%</b>		<b>10%</b>		<b>100%</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>70%</b>				<b>30%</b>				<b>100%</b>

**Chú ý:**

- Các câu hỏi mức độ nhận biết, thông hiểu là câu hỏi TNKQ 4 lựa chọn, trong đó có 1 lựa chọn đúng.

- Các câu hỏi ở mức độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận (tự luận/thực hành), ưu tiên kiểm tra thực hành trên phòng máy.

**Phụ lục 7**  
**MÔN: CÔNG NGHỆ**  
**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		% tổng điểm	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH			Thời gian (phút)
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	Nội dung A	Đơn vị kiến thức 1:.....												
		Đơn vị kiến thức 2:.....												
2	Nội dung B	Đơn vị kiến thức 1:.....												
		Đơn vị kiến thức 2:.....												
3	Nội dung C	Đơn vị kiến thức 1:.....												
		Đơn vị kiến thức 2:.....												
<b>Tổng</b>														
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>40%</b>		<b>30%</b>		<b>20%</b>		<b>10%</b>					<b>100</b>
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>70%</b>				<b>30%</b>							

**Ghi chú:**

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.
- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm mức độ nhận biết là 0,25 điểm; mức độ thông hiểu là 0,5 điểm; số điểm của câu tự luận ở mức vận dụng thấp: 2 điểm, ở mức vận dụng cao: 1 điểm.
- Thời lượng tính cho 1 câu trắc nghiệm mức độ nhận biết là 0,75 phút; mức độ thông hiểu là 3,0 phút; thời lượng tính cho câu hỏi mức vận dụng là 10 phút, mức vận dụng cao là 5 phút.

**Phụ lục 8**  
**MÔN: GDCD**  
**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

TT	Mạch nội dung	Nội dung/chủ đề/bài học	Mức độ đánh giá								Tổng		
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Câu TN	Câu TL	Tổng điểm
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL			
1	Mạch nội dung 1	Nội dung 1: .....											
		Nội dung 2. .....											
		.....											
2	Mạch nội dung 2												
3	.....												
<b>Tổng câu</b>													
<b>Tỉ lệ %</b>			<b>30%</b>		<b>30%</b>		<b>30%</b>		<b>10%</b>		<b>100</b>		
<b>Tỉ lệ chung</b>			<b>60%</b>				<b>40%</b>				<b>100%</b>		

